

Số: 2610 /QĐ-ĐHYD

Thái Nguyên, ngày 9 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo
Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định 31/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2672/QĐ-ĐHYD ngày 28/12/2018 của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định về rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ biên bản họp ngày 05/8/2021 của Hội đồng khoa học và Đào tạo Trường Đại học Y - Dược thông qua chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học;

Căn cứ biên bản họp ngày 30/9/2021 của Hội đồng thẩm định Bản mô tả chương trình đào tạo Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học;

Xét đề nghị của Tổ rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học và Trường phòng Thanh tra, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cập nhật Bản mô tả chương trình đào tạo Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học (nội dung kèm theo).

Điều 2. Căn cứ Bản mô tả chương trình đào tạo này, các ông (bà) Trưởng các phòng chức năng, khoa/bộ môn tổ chức phổ biến đến các bên liên quan.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các phòng chức năng, khoa/bộ môn liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để biết);
- Như Điều 3 (để th/h);
- Website trường;
- Lưu: VT, TT-KT.



PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

THÁI NGUYÊN, NĂM 2021

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
(Ban hành kèm theo Quyết định số *2610*..... /QĐ-ĐHYD ngày *9/12*.....
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên)

I. Thông tin chung (General Information)

1. Tên trường/cơ sở cấp bằng: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.
2. Cơ sở đào tạo, giảng dạy: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.
3. Tên chương trình đào tạo
 - Tên tiếng Việt: Kỹ thuật xét nghiệm y học;
 - Tên tiếng Anh: Laboratory Medicine Technique.
4. Thông tin về kiểm định: *Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số 128/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 25/12/2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội Các trường đại học cao đẳng Việt Nam.*
5. Trình độ đào tạo: Đại học.
6. Ngành đào tạo: Kỹ thuật xét nghiệm y học.
7. Mã ngành đào tạo: 7720601.
8. Thời gian đào tạo: 4 năm.
9. Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt.
10. Hình thức đào tạo: Chính quy.
11. Danh hiệu văn bằng
 - Tên tiếng Việt: Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học;
 - Tên tiếng Anh: Bachelor of Laboratory Medicine Technique.

II. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Educational Objective - PEO)

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu <i>Người học sau khi tốt nghiệp:</i>	Phù hợp		
		<i>Sứ mạng</i>	<i>Tâm nhìn</i>	<i>Luật Giáo dục Đại học</i>
I. Kiến thức				
PEO 1	Vận dụng hiệu quả các kiến thức về kinh tế, văn hoá xã hội, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, y tế công cộng, chuyên ngành và y học lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp.	✓	✓	✓
II. Kỹ năng				
PEO 2	Thực hiện thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm y học cơ bản, đọc và giải thích được một số kết quả xét nghiệm thông thường.	✓		✓
PEO 3	Thực hiện hiệu quả các quy trình quản lý chất lượng cơ bản; kiểm tra và giám sát các quy chế vô khuẩn, quy định về sử dụng hoá chất, sinh phẩm chuyên dụng và an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm.	✓		✓
PEO 4	Sử dụng được ngoại ngữ, tin học, kỹ năng mềm trong quá trình hành nghề và phát triển nghề nghiệp.	✓		✓
III. Mức tự chủ và trách nhiệm				
PEO 5	Làm việc độc lập, phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp, có đạo đức và phẩm chất nghề nghiệp ứng xử chuyên nghiệp. Không ngừng học tập và phát triển nghề nghiệp suốt đời.	✓	✓	✓

III. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program Learning Outcome - PLO)

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra <i>Người học tại thời điểm tốt nghiệp:</i>	Phân loại	
		Chuẩn đầu ra chung	Chuẩn đầu ra chuyên biệt
I. Kiến thức			
PLO 1	Vận dụng được các kiến thức về kinh tế, văn hóa xã hội, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.	✓	
PLO 2	Vận dụng được kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở, y tế công cộng, y học lâm sàng và chuyên ngành xét nghiệm trong thực hiện và biện luận kết quả xét nghiệm.		✓
PLO 3	Vận dụng được kiến thức về công nghệ thông tin trong việc thực hiện và phân tích và xử lý kết quả xét nghiệm.	✓	
PLO 4	Vận dụng được kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát các quy trình trong lĩnh vực xét nghiệm y học.		✓
PLO 5	Vận dụng được kiến thức về quản lý chất lượng xét nghiệm trong thực hành nghề nghiệp.		✓
II. Kỹ năng			
PLO 6	Thực hiện được các kỹ thuật xét nghiệm y học cơ bản		✓
PLO 7	Giải thích được kết quả các xét nghiệm y học cơ bản		✓
PLO 8	Thực hiện đúng một số quy trình đảm bảo chất lượng cơ bản trong phòng xét nghiệm.		✓
PLO 9	Kiểm tra, giám sát được các quy trình về sử dụng hóa chất, sinh phẩm và an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm.		✓
PLO 10	Sử dụng và bảo quản được một số loại trang thiết bị xét nghiệm y học		✓
PLO 11	Lập được kế hoạch cho bản thân trong tìm kiếm việc làm	✓	

PLO 12	Thực hiện được kỹ năng giao tiếp, tư vấn sức khỏe và làm việc nhóm hiệu quả	✓	
PLO 13	Đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3 - Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người Việt Nam Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương.	✓	
III. Mức tự chủ và trách nhiệm			
PLO 14	Làm việc độc lập, làm việc nhóm và phối hợp được với các bên liên quan trong các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	✓	
PLO 15	Hướng dẫn, giám sát được người khác thực hiện một số nhiệm vụ chuyên môn nghề nghiệp.	✓	
PLO 16	Tự định hướng, đưa ra kết luận, xử trí chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.	✓	
PLO 17	Tham gia vào việc lập kế hoạch, điều phối, quản lý nguồn lực, đánh giá và cải thiện được các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	✓	

IV. Ma trận tương quan giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)																
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
PEO 1	x	x	x	x	x												
PEO 2						x	x										
PEO 3								x	x	x							
PEO 4			x										x				
PEO 5											x	x		x	x	x	x

V. Thông tin tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

1. Thông tin tuyển sinh

* *Đối tượng tuyển sinh*

Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

* *Phạm vi tuyển sinh*: Tuyển sinh trong cả nước.

* **Phương thức tuyển sinh:** Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT hoặc xét tuyển sử dụng kết quả học tập của tổ hợp các môn ở trung học phổ thông.

Mã tổ hợp xét tuyển	Tổ hợp bài thi/môn thi để xét tuyển	Môn chính
B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Toán
D07	Toán, Hóa học, tiếng Anh	Toán
D08	Toán, Sinh học, tiếng Anh	Toán

* **Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh:** 60-100

* **Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển (ĐKXT)**

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

* **Tổ chức tuyển sinh:** Việc tuyển chọn sinh viên vào học chương trình này dựa trên các văn bản và quy định hiện hành về tuyển sinh đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Thái Nguyên ban hành và đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.

2. Điều kiện tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét tốt nghiệp:

- Được công nhận là sinh viên hệ chính quy tập trung của Trường theo đúng ngành cấp bằng.
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- Tích lũy đủ số học phần và số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo.
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.
- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng an ninh và giáo dục thể chất.
- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ.
- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của Trường.

VI. Cấu trúc chương trình (Curriculum Structure)

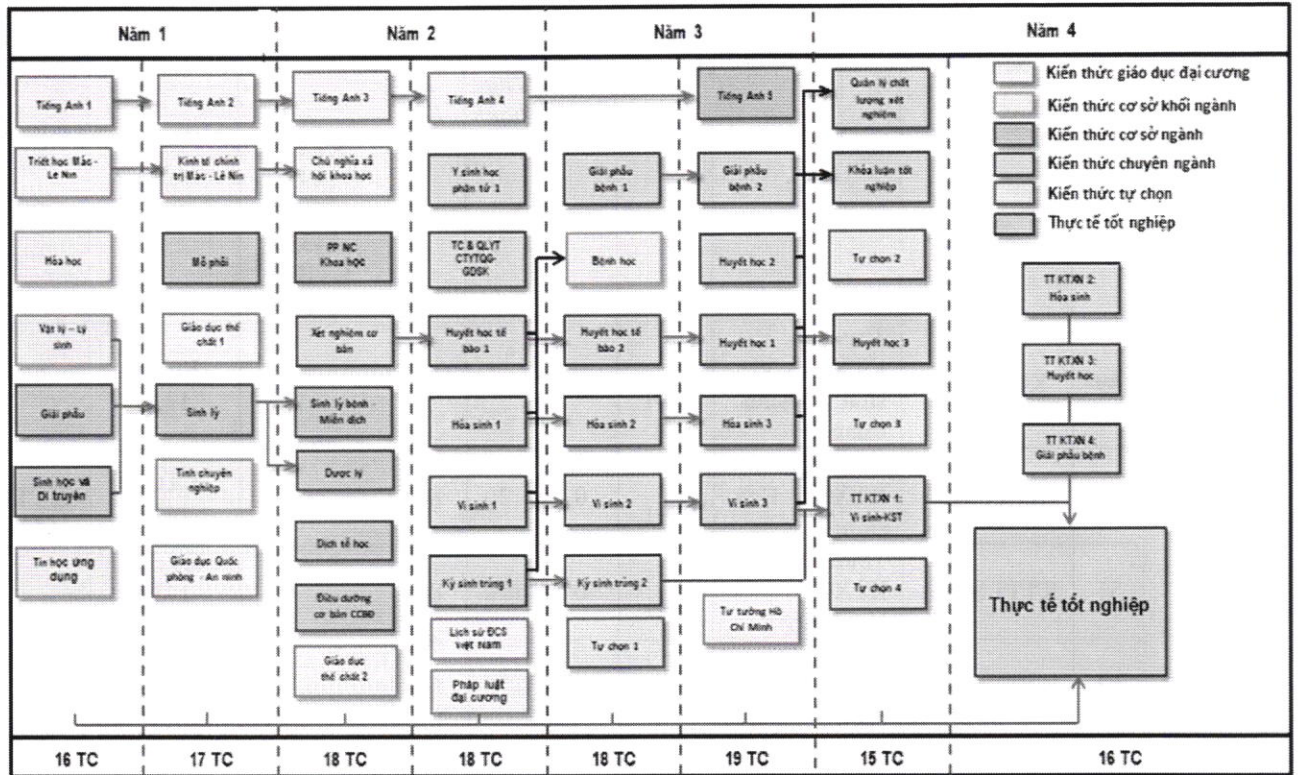
TT	Mã học phần/ Module	Tên Học phần	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
I.	Khối kiến thức cơ bản: 29 tín chỉ (21,96%) (không kể Giáo dục Quốc phòng - An ninh và Giáo dục thể chất)									
1.1	Học phần bắt buộc: 29 tín chỉ (21,96%)									
1	HCGD1014	Giáo dục Quốc phòng-An ninh	4 (0/4)	0	120	80				2
2	HCGD1012	Giáo dục thể chất 1	2 (0/2)	0	60	40				2
3	HCGD1021	Giáo dục thể chất 2	1 (0/1)	0	30	20				3
4	HCTH1013	Triết học Mác-Lênin	3 (3/0)	45	0	105				1
5	HCKT1012	Kinh tế chính trị	2 (2/0)	30	0	70		HCTH 1013		2

TT	Mã học phần/ Module	Tên Học phần	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
		Mác - Lênin								
6	HCCN1012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2 (2/0)	30	0	70		HCKT 1012		3
7	HCPL1012	Pháp luật đại cương	2 (2/0)	30	0	70				4
8	HCLS1012	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2 (2/0)	30	0	70		HCCN 1012		4
9	HCTT1012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2/0)	30	0	70		HCLS 1012		6
10	HCTA1012	Tiếng Anh 1	2 (2/0)	30	0	70				1
11	HCTA1022	Tiếng Anh 2	2 (2/0)	30	0	70		KTTA 1012		2
12	HCTO1012	Tin học	2 (0/2)	0	60	40				1
13	HCTA1032	Tiếng Anh 3	2 (2/0)	30	0	70		KTTA 1022		3
14	HCTA1042	Tiếng Anh 4	2 (2/0)	30	0	70		KTTA 1032		4
15	KTTA1052	Tiếng Anh 5	2 (2/0)	30	0	70		KTTA 1042		6
16	KTHH1012	Hóa học	2 (1/1)	15	30	55				1
17	HCVL1012	Vật lý - Lý sinh	2 (1/1)	15	30	55				1
II Khối kiến thức cơ sở ngành: 29 tín chỉ (21,96%)										
2.1 Học phần bắt buộc: 27 tín chỉ (20,45%)										
18	HCPP1212	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2 (1/1)	15	30	55				3
19	KTSH1212	Sinh học và di truyền	2 (1/1)	15	30	55				1
20	HCGP1213	Giải phẫu	3 (1/2)	15	60	75				1
21	KTSL1212	Sinh lý	2 (1/1)	15	30	55		KTVL 1012 KTGP 1213		2
22	KTĐD1212	Điều dưỡng cơ bản-CCBĐ	2 (1/1)	15	30	55				3
23	KTDL1212	Dược lý	2 (1/1)	15	30	55	KTSL 1212			3
24	HCSY1213	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3 (2/1)	30	30	90	KTSL 1212			3
25	KTMP1213	Mô phôi	3 (2/1)	30	30	90	KTGP 1213			2
26	KTTH1212	TC và QLYT - CTYTQG - GDSK	2 (2/0)	30	0	70				4
27	HCDT1212	Dịch tễ học	2 (1/1)	15	30	55				3
28	HCTC1212	Tính chuyên nghiệp	2(2/0)	30	0	70				2
29	KTBH1212	Bệnh học	2(2/0)	30	0	70				5

TT	Mã học phần/ Module	Tên Học phần	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
2.2	Học phần tự chọn: 2 tín chỉ (chọn 1 trong 6 học phần) (1,51%)									
30.1	KTBL1312	Bệnh lý tế bào máu	2 (1/1)	15	30	55				5
30.2	KTKS1312	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2 (1/1)	15	30	55		KTVS 1412	KTVS 1423	5
30.3	KTTN1312	Truyền nhiễm	2 (2/0)	30	0	70				5
30.4	KTTK1312	Thống kê y tế	2 (1/1)	15	30	55				5
30.5	KTKH1312	Hành vi sức khỏe và tư vấn thay đổi hành vi	2 (1/1)	15	30	55				5
30.6	KTHH1312	Huyết học lâm sàng	2 (1/1)	15	30	55	KTHH 1432			5
III	Khối kiến thức chuyên ngành: 70 tín chỉ (53,04%)									
3.1	Học phần bắt buộc: 64 tín chỉ (48,49%)									
31	KTXN1412	Xét nghiệm cơ bản	2 (1/1)	15	30	55				3
32	KTHO1413	Huyết học tế bào 1	3 (1/2)	15	60	75		KTXN 1412		4
33	KTHO1422	Huyết học tế bào 2	2 (1/1)	15	30	55	KTHO 1413			5
34	KTHH1413	Huyết học 1	3 (1/2)	15	60	75	KTHO 1422		KTHH 1423	6
35	KTHH1423	Huyết học 2	3 (1/2)	15	60	75	KTHO 1422		KTHH 1413	6
36	KTHH1432	Huyết học 3	2 (1/1)	15	30	55	KTHH 1423			7
37	KTHS1412	Hoá sinh 1	2 (1/1)	15	30	55	KTXN 1412			4
38	KTHS1423	Hoá sinh 2	3 (1/2)	15	60	75	KTHS 1412			5
39	KTHS1433	Hoá sinh 3	3 (1/2)	15	60	75	KTHS 1423			6
40	KTVS1412	Vi sinh 1	2 (1/1)	15	30	55	KTXN 1412			4
41	KTVS1423	Vi sinh 2	3 (1/2)	15	60	75	KTVS 1412			5
42	KTVS1433	Vi sinh 3	3 (1/2)	15	60	75	KTVS 1423			6
43	KTKS1413	Ký sinh trùng 1	3 (1/2)	15	60	75	KTXN 1412			4
44	KTKS1423	Ký sinh trùng 2	3 (1/2)	15	60	75	KTKS 1413			5
45	KTGB1413	Giải phẫu bệnh 1	3 (1/2)	15	60	75	KTGP 1213 KTMP 1213			5
46	KTGB1423	Giải phẫu bệnh 2	3 (1/2)	15	60	75	KTGB 1413			6
47	KTYS1412	Y sinh học phân tử 1	2 (1/1)	15	30	55		KTSH 1212		4
48	KTQL1413	Quản lý chất lượng xét	3 (1/2)	15	60	75	KTGB 1413			7

TT	Mã học phần/ Module	Tên Học phần	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
		nghiệm					KTVS 1433 KTHS 1433 KTHH 1432			
49	KTTT1414	Thực tập KTXN 1: Vi sinh -Ký sinh trùng	4 (0/4)	0	120	80		KTKS 1312		7
50	KTTT1424	Thực tập KTXN 2: Hoá sinh	4 (0/4)	0	120	80		KTQL 1413	KTTT 1424	8
51	KTTT1434	Thực tập KTXN 3: Huyết học	4 (0/4)	0	120	80		KTHH 1432		8
52	KTTT1444	Thực tập KTXN 4: Giải phẫu bệnh	4 (0/4)	0	120	80		KTGB 1423		8
3.2	Học phần tự chọn: 6 tín chỉ (chọn 3 trong 6 học phần)(4,55%)									
53.1	KTMS1512	Một số xét nghiệm vi sinh trong VSATTP	2 (1/1)	15	30	55	KTVS 1423			7
53.2	KTBO1512	Bệnh học tế bào cổ tử cung	2 (1/1)	15	30	55	KTGB 1413			7
53.3	KTXG1512	Xét nghiệm miễn dịch trong chẩn đoán Vi-ký sinh trùng	2 (1/1)	15	30	55	KTVS 1433			7
53.4	KTYS1522	Y sinh học phân tử 2	2 (1/1)	15	30	55	KTYS 1412			7
53.5	KTMO1512	Một số xét nghiệm hóa lý trong VSATTP	2 (1/1)	15	30	55				7
53.6	KTKL1714	Khoá luận tốt nghiệp	4 (0/4)	0	120	80				7-8
IV	Tốt nghiệp: 4 tín chỉ (3,04%)									
54	KTTT1614	Thực tập tốt nghiệp	4 (0/4)	0	120	80		Tất cả HP		8
		Tổng số tín chỉ (giờ)	132 (66/66)	990	1980	3630				

VII. Tiến trình dạy - học (Curriculum Mapping)



VIII. Mức độ đóng góp của các Học phần vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mức độ đóng góp của các Học phần vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo được thể hiện ở bảng dưới đây:

TT	Tên học phần	Mã HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)																			
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17			
1	Triết học Mác-Lênin	HCTH1013	2																			
2	Kinh tế chính trị Mác Lênin	HCKT1012	2																			
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	HCCN1012	2																			
4	Pháp luật đại cương	HCPL1012	2																			
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCTT1012	2																			
6	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	HCLS1012	2																			
7	Tiếng Anh 1	HCTA1012		2											2		2					
8	Tiếng Anh 2	HCTA1022		2											2		2					

TT	Tên học phần	Mã HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)																
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
9	Tiếng Anh 3	HCTA1032		2									2	2					
10	Tiếng Anh 4	HCTA1042		2									2	2					
11	Tiếng Anh 5	KTTA1052		2									2	2					
12	PPNC khoa học	KTPP1012		2															
13	Hóa học	KTTO1012	2																
14	Vật lý - Lý sinh	KTVL1212	2																
15	Sinh học và di truyền	KTSH1212	2																
16	Tin học ứng dụng	KTTO1012		2	2														
17	Giải phẫu	KTGP1213		2															
18	Sinh lý	KTSL1212		2				2	2				2	2			2		
19	Điều dưỡng cơ bản-CCBD	KTĐD1212		2				2					2						
20	Dược lý	KTDL1212		2				2					2						
21	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	KTSB1212		2											2				
22	Mô phôi	KTMP1213		2															
23	TC và QLYT - CTYTQG - GDSK	KTTQ1212		2									2		2				
24	Dịch tễ học	KTDT1212		2											2				2
25	Tính chuyên nghiệp	KTTC1212		2									2	2	2	2	2	2	2
26	Bệnh học	KTBH1212		2									2		2				
27	Xét nghiệm cơ bản	KTNC1412		2		2	2	2	2	2	2		2	2		2	2	2	2
28	Huyết học tế bào 1	KTHT1413		2				2	2				2		2			2	
29	Huyết học tế bào 2	KTHT1422		2	2	2	2	2	2	2	2		2	2		2	2	2	2

TT	Tên học phần	Mã HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)																
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
30	Huyết học 1	KTHH1413		2				2	2					2		2		2	
31	Huyết học 2	KTHH1423		2				2	2					2		2		2	
32	Huyết học 3	KTHH1432		2				2	2					2		2		2	
33	Hoá sinh 1	KTHS1412		2	2	2	2	2	2	2	2		2	2		2	2	2	2
34	Hoá sinh 2	KTHS1423		2	2	2	2	2	2	2	2		2	2		2	2	2	2
35	Hoá sinh 3	KTHS1433		2	2	2	2	2	2	3	2	2		2	3		2	2	2
36	Vi sinh 1	KTVS1412		2	2	2	2	2	2	2	2		2	2		2	2	2	2
37	Vi sinh 2	KTVS1423		2	2	2	2	2	2	2	2		2	2		2	2	2	2
38	Vi sinh 3	KTVS1433		2	2	2	2	2	2	3	2	2		2	3		2	2	2
39	Ký sinh trùng 1	KTKS1413		2	2	2	2	2	2	2	2		2	2		2	2	2	2
40	Ký sinh trùng 2	KTKS1423		2	2	2	2	2	2	3	2	2		2	3		2	2	2
41	Giải phẫu bệnh 1	KTGB1413		2	2	2	2	2	2	2	2		2	2		2	2	2	2
42	Giải phẫu bệnh 2	KTGB1423		2	2	2	2	2	2	3	2	2		2	3		2	2	2
43	Y sinh học phân tử 1	KTYS1412		2	2	2	2	2	2	2	2		2	2		2	2	2	2
44	Quản lý chất lượng xét nghiệm	KTQL1413		2	2	2	2	2	2	2	2		2	2		2	2	2	2
45	Thực tập KTXN 1: Vi sinh -Ký sinh trùng	KTTT1414		3	2	2	2	3	3	3	3	2	2	2	3	2	2	2	2
46	Thực tập KTXN 2: Hoá sinh	KTTT1424		3	2	2	2	3	3	3	3	2	2	2	3	2	2	2	2
47	Thực tập KTXN 3: Huyết học	KTTT1434						3	3	3	3	3	3	3		3		3	
48	Thực tập KTXN 4: Giải phẫu bệnh	KTTT1444		3	2	2	2	3	3	3	3	2	2	2	3	2	2	2	2
49	Bệnh lý tế bào máu	KTBL1312		2	2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2

TT	Tên học phần	Mã HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)																
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
50	Huyết học lâm sàng	KTHL1512		2				2	2				2		2		2		
51	Một số xét nghiệm vi sinh trong VSATTP	KTMS1512		2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	
52	Xét nghiệm tế bào cổ tử cung	KTXN1512		2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	
53	Xét nghiệm miễn dịch trong chẩn đoán Vi-ký sinh trùng	KTXM1512		2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	
54	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện	KTKS1312		2	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	
55	Y sinh học phân tử 2	KTYS1522		2	2	2	2	2	2	2	2		2		2	2		2	
56	Truyền nhiễm	KTTN1312		2		2	2	2	2	2	2		2		2	2		2	
57	Thống kê y tế	KTTK1312		2		2	2	2	2	2	2		2		2	2		2	
58	Khoa học hành vi	KTKH1312		2		2	2	2	2	2	2		2		2	2		2	
59	Thực tập tốt nghiệp	KTTT1616		3	2	2	2	3	3	3	2	2	2	3	2	2	2	2	

Mức độ đóng góp của học phần so với CDR: 1 Thấp; 2 Vừa; 3 Cao

IX. Ma trận tương quan giữa phương pháp dạy - học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Phương pháp dạy-học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)																
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Thuyết trình	x	x	x	x	x												
Dạy học bằng tình huống						x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Dạy học bằng bảng kiểm						x	x	x	x	x							
Thảo luận nhóm						x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Làm mẫu						x	x	x	x	x							

X. Đánh giá kết quả học tập (Learning Assessment)

1. Hình thức, nội dung đánh giá

Tùy theo số lượng tín chỉ trong mỗi học phần mà trọng số có thể thay đổi:

Đánh giá	Nội dung đánh giá	Trọng số (%)
Chuyên cần	<p>*Nội dung đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá ý thức học tập của người học thông qua điểm danh các buổi học; - Nhiệt tình, hăng hái phát biểu, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm sôi nổi. <p>* Công cụ: Sổ chấm công của lớp, sổ nhận xét của bác sĩ trực hoặc các xác nhận của bác sĩ, giảng viên khác về nội dung liên quan.</p> <p>* Thời điểm: Trước khi thi kết thúc học phần 1 ngày.</p> <p>* Số lần: 01 lần đánh giá hoặc lồng ghép trong các điểm đánh giá thường xuyên và giữa học phần</p>	10%
Thường xuyên	<p>* Nội dung: Kiểm tra kiến thức.</p> <p>* Công cụ: Bộ câu hỏi MCQ, câu hỏi tự luận, câu hỏi tình huống.</p> <p>* Thời điểm: khi học được 1/2 và/hoặc 2/3 số tiết học phần.</p> <p>* Số lần: 01/02 lần đánh giá (theo quy định của trường).</p>	10%
Giữa học phần	<p>* Nội dung: Kiểm tra kiến thức.</p> <p>* Công cụ: Bộ câu hỏi MCQ, câu hỏi tự luận, câu hỏi tình huống, vấn đáp, bảng kiểm.</p> <p>* Thời điểm: Khi học được 2/3 số tiết học phần, hoặc cuối các bài thực hành (với học phần thực hành).</p> <p>* Số lần: 01 lần đánh giá.</p>	30%
Kết thúc học phần	<p>Tự luận</p> <p>* Nội dung: Kiểm tra kiến thức.</p> <p>* Công cụ: Bộ câu hỏi MCQ, câu hỏi tự luận, câu hỏi tình huống, OSCE.</p> <p>* Thời điểm: Khi học hết chương trình.</p> <p>* Số lần: 01 lần đánh giá.</p>	50%

2. Ma trận tương quan giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)																
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Báo cáo cá nhân/nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Chỉ tiêu thực hành						x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)																
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Tự luận	x	x	x	x	x												
Trắc nghiệm trên máy	x	x	x	x	x												
OSPE						x	x	x	x	x	x	x	x				

XI. Đối sánh (Benchmarking)

1. Đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước

CTĐT đã được đối sánh với các CTĐT của các trường Đại học trong và ngoài nước cùng chuyên ngành làm cơ sở xây dựng CTĐT:

Khối kiến thức	Trường ĐHYD Thái Nguyên		Trường ĐHYD TPHCM		Trường ĐHY Hà Nội		Naresuan Thái Lan	
	Tín chỉ	(%)	Tín chỉ	(%)	Tín chỉ	(%)	Tín chỉ	(%)
Cơ bản	23	17,7	27	18,37	34	20,24	29	24,8
Cơ sở ngành	29	22,3	26	17,69	30	17,86	24	20,6
Chuyên ngành	64	49,2	76	51,70	84	50,00	54	46,1
Tự chọn	8	6,2	11	7,48	6	3,57	4	3,4
Tốt nghiệp	6	4,6	7	4,76	14	8,32	6	5,1
Tổng	130	100	157	100	168	100	117	100

Kết quả đối sánh trên cho thấy các chương trình trong nước có tỷ lệ số tín chỉ cho các nhóm kiến thức tương đương nhau và phù hợp với yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế. Các học phần trong khung chương trình Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm Y học theo xu hướng tăng cường giảng dạy vận dụng kiến thức y học cơ sở vào thực tế lâm sàng, nâng cao kỹ năng chuyên nghiệp, biện luận lâm sàng, định hướng nghề nghiệp và tính tự học của sinh viên.

2. Đối sánh kết quả khảo sát các bên liên quan

Kết quả khảo sát các bên liên quan được tổng hợp, đối sánh làm căn cứ xây dựng/cải thiện chất lượng CTĐT:

Các bên liên quan	Kết quả khảo sát	Nội dung xây dựng/cải thiện CTĐT
Chuyên gia y tế/giáo dục	Ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học là cần thiết, đáp ứng nhu cầu của xã hội và người học, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực trong chăm sóc sức khỏe của nhân dân	
Cựu sinh viên	<i>Chưa có khóa sinh viên tốt nghiệp</i>	
Nhà tuyển dụng	Nhất trí với chương trình đã xây dựng	Chú trọng đào tạo kỹ năng mềm
Giảng viên	<ul style="list-style-type: none"> - Môn Bệnh học cần giảng những nội dung rất cơ bản về bệnh và nên giao cho khoa YHCS phụ trách để nội dung không quá nặng về bệnh học cho sinh viên; - Cần thu gọn bớt, học phần một sức khỏe không cần thiết; - Nên tách thành hai học phần: 1/ Điều dưỡng cơ bản - cấp cứu ban đầu ; 2/ một sức khỏe, tổ chức quản lý y tế, GDSK, dịch tễ...; 	<ul style="list-style-type: none"> - Đổi tên và đưa thêm các học phần giáo dục đại cương bắt buộc theo quy định của Bộ giáo dục Đào tạo (các môn chính trị). - Các học phần khoa học cơ bản: <ul style="list-style-type: none"> + Xây dựng học phần tiếng Anh 1, 2 đảm bảo khung năng lực, thêm học phần tiếng Anh 3 chuyên ngành, giúp cho sinh viên cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học để thực hành nghề nghiệp. + Giảm bớt số tín chỉ của một số học phần: Vật lý-Lý sinh, Hóa học, để dành thời lượng cho các học phần chuyên ngành. + Bỏ học phần: xác suất thống kê. - Các học phần cơ sở ngành: tách học phần Sinh lý và Giải phẫu, thêm số tín chỉ của học phần Mô học, bỏ học phần một sức khỏe. - Các học phần chuyên ngành: <ul style="list-style-type: none"> + Đổi tên học phần Xét nghiệm đông máu, huyết học truyền máu, huyết học nâng cao thành các học phần học: Huyết học 1, 2, và 3. - Các học phần tự chọn: thay thế và thêm một số học phần tự chọn để đảm bảo tính cập nhật. - Thêm học phần thực tế tốt nghiệp 4 tín chỉ.
Sinh viên	Nhất trí với nội dung giảng dạy, tuy nhiên còn thiếu thời gian thực hành	Bổ sung thêm tín chỉ thực hành cho một số học phần chuyên ngành

XII. Mô tả tóm tắt các Học phần thuộc chương trình đào tạo

1. Khối kiến thức cơ bản:

1.1. Giáo dục thể chất 1

Học phần Giáo dục thể chất 1 thuộc khối kiến thức các học phần khoa học cơ bản, được giảng dạy ở học kỳ 2 năm thứ nhất của chương trình đào tạo Kỹ thuật xét nghiệm y học. Học phần này trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng của 02 môn thể thao đó là Nhảy cao và Bóng chuyền, thông qua phương pháp thuyết trình kết hợp với thị phạm động tác, phương pháp chia nhóm tập luyện, games. Các phương pháp đánh giá người học gồm quan sát kỹ thuật, đo thành tích, đếm số lượng.

1.2. Giáo dục thể chất 2

Học phần Giáo dục thể chất 2 thuộc khối kiến thức các học phần khoa học cơ bản, được giảng dạy ở học kỳ 3 năm thứ hai của chương trình đào tạo Kỹ thuật xét nghiệm y học. Học phần này trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng của môn thể thao Bóng rổ, thông qua phương pháp thuyết trình kết hợp với thị phạm động tác, phương pháp chia nhóm tập luyện, games. Các phương pháp đánh giá người học gồm quan sát kỹ thuật, đo thành tích, đếm số lượng.

1.3. Triết học Mác-Lênin

Học phần Triết học Mác-Lênin thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 1 của chương trình đào tạo. Học phần này gồm 3 chương, cung cấp những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử nhằm xây dựng thế giới quan, phương pháp luận trong hoạt động nhận thức và thực tiễn của sinh viên. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là phương pháp thuyết trình, thảo luận, nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm kiểm tra và thi tự luận.

1.4. Kinh tế chính trị Mác Lênin

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin thuộc khối kiến thức cơ bản, được giảng dạy ở kỳ học 2 của chương trình đào tạo. Học phần này gồm 6 chương, trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác - Lênin theo mục tiêu môn học như hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là phương pháp thuyết trình, thảo luận, nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm kiểm tra và thi tự luận..

1.5. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học thuộc khối kiến thức cơ bản được dạy - học ở kỳ học 3 của chương trình đào tạo. Học phần này gồm 7 chương, sẽ trang bị cho người học những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học như Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ XHCN và nhà nước XHCN, Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp, trong thời kỳ quá độ lên CNXH, Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là phương pháp thuyết trình, thảo luận, nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá

người học bao gồm kiểm tra và thi tự luận. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO1 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

1.6. Pháp luật đại cương

Học phần Pháp luật đại cương thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 4 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật nói chung, đặc biệt là hệ thống pháp luật Việt Nam và một số ngành luật cơ bản như luật hiến pháp, luật hành chính, luật dân sự, luật hình sự, luật hôn nhân và gia đình, luật phòng chống tham nhũng. Qua đó trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của hệ thống pháp luật Việt Nam, cũng như vận dụng kiến thức trong quá trình thực hiện pháp luật. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình và thảo luận nhóm, nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm người học thực hiện bài tự luận. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO1 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

1.7. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 6 của chương trình đào tạo. Học phần này gồm 6 chương sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và Chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của dân, do dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận và nêu vấn đề. Phương pháp đánh giá người học kiểm tra và thi tự luận. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO1 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

1.8. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 4 của chương trình đào tạo. Học phần này ngoài chương nhập môn gồm 3 chương cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam; quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Các phương pháp dạy - học chủ yếu là phương pháp thuyết trình, thảo luận, nêu vấn đề. Phương pháp đánh giá người học kiểm tra và thi tự luận. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO1 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

1.9. Tiếng Anh 1

Học phần Tiếng Anh 1 thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức ngữ pháp cơ bản về đại từ, tính từ sở hữu, đại từ sở hữu, so sánh, thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn; và từ vựng cơ bản về các bộ phận trên cơ thể người, các phòng-khoa trong bệnh viện, những thiết bị y tế cơ bản, các từ mô tả dấu hiệu, triệu chứng bệnh thường gặp; luyện tập các kỹ năng nghe-nói-đọc-viết. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, làm việc nhóm, cặp. Các phương pháp đánh giá người học

bao gồm kiểm tra trắc nghiệm và tự luận. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO 2, 11, 13 của chương trình đào tạo ở mức độ trung bình.

1.10. Tiếng Anh 2

Học phần Tiếng 2 thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học các thuật ngữ chuyên ngành Y liên quan đến các hệ cơ quan và các chủ đề y tế, cụ thể là Hệ tạo máu và miễn dịch, hệ tim mạch, hô hấp, dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, cùng với việc giới thiệu các cấu trúc-ngữ pháp như câu điều kiện loại 0 và 1, mệnh đề quan hệ, cấu trúc với can/ could và should/ must, các cụm động từ chỉ mục đích của hành động. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, làm việc nhóm, cặp. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm kiểm tra trắc nghiệm và tự luận. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO 2, 11, 13 của chương trình đào tạo ở mức độ trung bình

1.11. Tiếng Anh 3

Học phần Tiếng 3 thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 3 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thì tương lai gần, câu bị động, hiện tại hoàn thành tiếp diễn, động từ tình thái (should, must, have to) và các thuật ngữ chuyên ngành y về một số hệ cơ quan như hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu, hệ cơ xương khớp, hệ da với số lượng 4 bài trong giáo trình English in Medicine 2. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, làm việc nhóm, cặp. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm kiểm tra trắc nghiệm và tự luận. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, 11, 13 của chương trình đào tạo ở mức độ trung bình.

1.12. Tiếng Anh 4

Học phần Tiếng 4 thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 4 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học các thuật ngữ chuyên ngành Y, các gốc từ, tiền tố và hậu tố liên quan đến các hệ cơ quan như hệ nội tiết, hệ sinh sản nữ, hệ sinh sản nam, và hệ thần kinh, và các cấu trúc-ngữ pháp liên quan đến thì tương lai đơn, thì tương lai gần, danh động từ, động từ nguyên mẫu có TO, thì quá khứ hoàn thành. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, làm việc nhóm, cặp. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm kiểm tra trắc nghiệm và tự luận. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, 11, 13 của chương trình đào tạo ở mức độ trung bình.

1.13. Tiếng Anh 5

Học phần Tiếng 5 thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 6 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức ngữ pháp và từ vựng cơ bản về thì Hiện tại hoàn thành, Tương lai đơn, Tương lai gần, các cấu trúc so sánh với tính từ, thể bị động, và từ vựng liên quan tới chuyên ngành xét nghiệm y học như vai trò và nhiệm vụ của người thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm y học, an toàn làm việc trong phòng thí nghiệm, và một số kỹ thuật xét nghiệm máu, vi sinh, sinh học phân tử. Học phần cũng giúp người học luyện tập và rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ như nghe-nói-đọc-viết. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, làm việc nhóm, cặp. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm kiểm tra trắc nghiệm và tự luận. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO 2, 11, 13 của chương trình đào tạo ở mức độ trung bình.

1.14. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 3 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học các kiến thức và phương pháp luận khoa học để cải thiện và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống... Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, viết tự luận, báo cáo chuyên đề, vấn đáp. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

1.15. Tin học ứng dụng

Học phần Tin học ứng dụng thuộc khối kiến thức chung Khoa học cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 1 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản để sử dụng máy tính và các chương trình phần mềm ứng dụng trong Kỹ thuật xét nghiệm y học. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn, làm mẫu. Phương pháp đánh giá người học là thực hành trên máy tính. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, PLO3 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

2. Khối kiến thức cơ sở ngành

2.1. Hóa học

Học phần Hoá học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 1 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Dung dịch, cân bằng hóa học; tính chất của các nguyên tố vị lượng, đa lượng, một số chất hữu cơ, các ứng dụng và vai trò của chúng trong y học; các phương pháp phân tích định lượng. Giúp người học sử dụng chính xác, an toàn, hiệu quả một số loại dụng cụ, hóa chất được dùng trong lĩnh vực y dược học, có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, tư vấn, có năng lực làm việc độc lập, chủ động học tập để hoàn thiện năng lực bản thân và học tập suốt đời. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài tập, làm mẫu/thực hành. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm kiểm tra tự luận, vấn đáp và theo bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

2.2. Vật lý - Lý sinh

Học phần Vật lý- Lý sinh thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 1 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học cơ sở vật lý, nguyên lý cấu tạo, nguyên tắc hoạt động và cơ sở ứng dụng của các thiết bị có sử dụng các tác nhân vật lý trong y học. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, trình bày/báo cáo, hướng dẫn thực hành. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm bài tự luận, bảng kiểm, thi kết thúc học phần. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

2.3. Sinh học và di truyền

Học phần sinh học di truyền thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 1 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học các kiến thức về sinh học, di truyền ứng dụng trong y học bao gồm các nội dung: các đại phân tử sinh học; đặc điểm bộ NST của người; đột biến nhiễm sắc thể và bệnh học NST; các quy luật di truyền. Các nội dung này là sơ sở cho sinh viên học tiếp các học phần chuyên ngành. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là: thuyết trình, thảo luận nhóm.

Các phương pháp đánh giá người học bao gồm: tự luận, sử dụng bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra số PLO2 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

2.4. Điều dưỡng cơ bản - Cấp cứu ban đầu

Học phần Điều dưỡng cơ bản - Cấp cứu ban đầu thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 3 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức về một số quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, các kỹ thuật sơ cứu, cấp cứu ban đầu cho người bệnh. Trang bị cho người học một số kỹ năng thực hành các kỹ thuật theo dõi, chăm sóc, sơ cứu, cấp cứu ban đầu cho người bệnh. Bên cạnh đó, học phần cũng rèn luyện cho người học có thái độ đúng mực với người bệnh, gia đình người bệnh và đồng nghiệp, có trách nhiệm trong mọi công việc được giao. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, thao tác mẫu, cầm tay chỉ việc. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, lượng giá theo bảng kiểm, thực hành chạy trạm OSPE. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, 6, 12 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

2.5. Giải phẫu

Học phần Giải phẫu thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức về đại cương môn học, các kiến thức cơ bản về chi tiết giải phẫu chính của các thành phần thuộc hệ thống các cơ quan trong cơ thể: cơ quan vận động (hệ xương khớp, hệ cơ, hệ thần kinh-giác quan), cơ quan dinh dưỡng (hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hoá, hệ tiết niệu), cơ quan sinh sản (hệ sinh dục nam, hệ sinh dục nữ). Kiến thức của học phần này là nền tảng để giải thích các biến đổi giải phẫu khi có biểu hiện tổn thương, bệnh lý thành phần của các cơ quan, từ đó hình thành thái độ của sinh viên trong quá trình thu nhận kiến thức. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm và hướng dẫn tự học trên các tranh, mô hình, tiêu bản và trên xác. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm test MCQ, đánh giá năng lực tự chủ và chạy trạm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

2.6. Sinh lý

Học phần Sinh lý thuộc khối kiến thức cơ sở ngành được dạy - học ở kỳ học 2 của chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học về các quy luật hoạt động chức năng và điều hòa hoạt động chức năng ở mức tế bào đến các cơ quan trong cơ thể, trên cơ sở đó, người học có khả năng thực hiện và giải thích được cơ sở của một số kỹ thuật xét nghiệm, chẩn đoán chức năng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, giao bài tập tình huống, chia nhóm thảo luận, làm mẫu. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, báo cáo cá nhân/nhóm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, 6, 7, 12, 14,16 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

2.7. Dược lý

Học phần Dược lý thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 3 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về dược động học, dược lực học của thuốc. Từ đó có kiến thức về những tác dụng phụ của thuốc và những ảnh hưởng của thuốc đến một số chuyển hóa trong cơ thể giúp phòng tránh các tác dụng không mong muốn của thuốc, nhằm mục tiêu sử dụng thuốc hiệu quả, an toàn và hợp lý trong quá trình thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp

dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, phân tích case lâm sàng. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm trắc nghiệm, tự luận. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, PLO6 và PLO11 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

2.8. Sinh lý bệnh - Miễn dịch

Học phần Sinh lý bệnh - Miễn dịch thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 3 của chương trình đào tạo. Phần lý thuyết sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về thay đổi chức năng hoạt động của các tế bào, mô, cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình để tìm ra các qui luật hoạt động của bệnh nói chung và giải thích cơ chế cho các biểu hiện bất thường trên lâm sàng cũng như xét nghiệm cận lâm sàng. Bên cạnh đó, người học được tiếp cận với các kiến thức cơ bản về miễn dịch như: hệ thống đáp ứng miễn dịch, các cơ quan và tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch, cách thức cơ thể phản ứng lại các yếu tố có hại thông qua hoạt động của hệ miễn dịch và các bệnh lý miễn dịch. Đồng thời, học phần trang bị cho người học kiến thức về nguyên lý một số kỹ thuật miễn dịch, hình thành kỹ năng phân tích và lập luận kết quả xét nghiệm liên quan đến bệnh lý. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm ca lâm sàng và thực hành theo bảng kiểm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, biện luận ca lâm sàng, câu hỏi MCQ, bảng kiểm thực hành. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2 (mức độ cao) và PLO14 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

2.9. Mô phôi

Học phần Mô phôi thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 2 năm 1 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ cung cấp cho người học các kiến thức cấu tạo, hình thái của tế bào, mô, các cơ quan của cơ thể người bình thường, sự hình thành và phát triển phôi đại cương ở người. Trên cơ sở kiến thức học phần Mô phôi sẽ hỗ trợ người học để học các học phần cơ sở và chuyên ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học, cũng như khi thực hành nghề nghiệp. Phương pháp dạy học chủ yếu theo hướng tích cực. Các phương pháp đánh giá người học gồm MCQ, OSPE, thi tự luận. Học phần đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

2.10. Tổ chức và quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia - Giáo dục sức khỏe

Học phần Tổ chức và quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia - Giáo dục sức khỏe thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được học ở kỳ 4. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về Tổ chức y tế, chương trình y tế quốc gia hiện hành và Giáo dục sức khỏe cho cộng đồng. Phương pháp dạy học chủ yếu gồm thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống. Học phần này đóng góp cho chuẩn đầu ra PLO2, 11, 14 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

2.11. Dịch tễ học

Học phần Dịch tễ học thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 3 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học các kiến thức về dịch tễ học; dịch tễ học các bệnh lây, không lây; các nguyên lý và biện pháp phòng chống dịch bệnh thường gặp cũng như rèn luyện các kỹ năng dùng trong phòng chống dịch. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập tình huống... Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, viết tự luận, báo cáo chuyên đề,

vấn đáp, bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, 14, 17 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

2.12. Tính chuyên nghiệp

Học phần Tính chuyên nghiệp thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 2 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học những khái niệm, nội dung của tính chuyên nghiệp cần thiết trong y khoa. Cung cấp cho sinh viên cơ sở lý luận để hình thành tính chuyên nghiệp trong y khoa. Học phần này cũng đề cập đến tâm lý của người bệnh; giao tiếp với người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng và nguyên lý cơ bản của đạo đức y học trong chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm MCQ, bài tập tình huống. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, 11,12, 13, 14, 15, 16, 17 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

2.13. Bệnh học

Học phần Bệnh học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành được dạy - học ở kỳ học 5 của CTĐT. Học phần này trang bị cho người học các kiến thức cơ bản mô tả về các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của một số bệnh lý nội khoa thông thường. Đây là cơ sở giúp người học có thể nhận biết, biện luận giải thích, chỉ định một số kỹ thuật xét nghiệm đặc hiệu cho các bệnh lý nội khoa thông thường. Đồng thời người học có thể thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm trong chẩn đoán bệnh lý nội khoa, giúp người học hiểu được vị trí, vai trò của học phần trong thực hành nghề. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, hoặc báo cáo cá nhân/nhóm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 11, 14 mức độ trung bình của chương trình đào tạo

2.14. Bệnh lý tế bào máu

Học phần bệnh lý tế bào máu thuộc khối kiến thức cơ sở ngành được dạy - học ở kỳ học 5 của chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học các kiến thức cơ bản mô tả về các triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của một số bệnh lý huyết học thường gặp. Đây là cơ sở giúp người học có thể nhận biết, giải thích, chỉ định một số kỹ thuật xét nghiệm đặc hiệu cho các bệnh lý huyết học. Đồng thời người học có thể thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm trong chẩn đoán bệnh lý huyết học, giúp người học hiểu được vị trí, vai trò của học phần trong thực hành nghề. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, giao bài tập tình huống, chia nhóm thảo luận, thực hành theo hướng dẫn. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, báo cáo cá nhân/nhóm, đánh giá bằng bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 13, 14, 16, 17 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

2.15. Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện

Học phần Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy/học ở học kỳ 5 của chương trình đào tạo. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nhiễm khuẩn bệnh viện, hệ thống tổ chức và điều kiện thực hiện kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện, nguyên tắc và biện pháp giám sát, kiểm soát và phòng ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện. Trang bị cho người học những kỹ năng cơ bản trong lấy mẫu, thực hiện quy trình kiểm tra vi sinh vật môi trường bệnh viện (không khí, nước, dụng cụ vô trùng, vệ sinh tay), quản lý và

xử lý chất thải y tế. Các phương pháp dạy/học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, bảng kiểm, bài tập tình huống. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm trắc nghiệm, tự luận, bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, 4, 6 (mức độ cao), PLO4, 12, 14, 15, 16, 17 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

3. Khối kiến thức chuyên ngành

3.1. Xét nghiệm cơ bản

Học phần Xét nghiệm cơ bản thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 3 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức về an toàn sinh học phòng xét nghiệm, kỹ năng xử lý sự cố an toàn phòng xét nghiệm. Nguyên tắc sử dụng các dụng cụ, vận hành các thiết bị sử dụng trong phòng xét nghiệm. Cách thức pha, bảo quản hóa chất, chuẩn bị môi trường xét nghiệm. Các phương pháp chẩn đoán vi sinh, ký sinh trùng và chuyển đổi hệ thống đơn vị đo lường trong hóa sinh lâm sàng. Phương pháp dạy học là thuyết trình, thảo luận, làm mẫu và bảng kiểm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 14, 15, 16, 17 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

3.2. Huyết học tế bào 1

Học phần huyết học tế bào 1 thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy - học ở kỳ học 3 năm 2 của chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học về nguồn gốc, hình thái, chức năng, điều hòa hoạt động chức năng của các tế bào máu ngoại vi trong trường hợp bình thường. Đồng thời người học có khả năng thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm chẩn đoán các tế bào trong máu ngoại vi. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, giao bài tập tình huống, chia nhóm thảo luận, thực hành theo hướng dẫn. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, báo cáo cá nhân/nhóm, đánh giá bằng bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, 6, 7, 12, 14, 16 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

3.3. Huyết học tế bào 2

Học phần Huyết học tế bào 2 thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy - học ở kỳ học 6 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về sự thay đổi số lượng và chất lượng các dòng tế bào máu ngoại vi, những biến đổi ác tính các dòng bạch cầu. Hướng dẫn sinh viên khả năng nhận định được các tiêu bản thiếu máu, leukemia cấp, leukemia kinh và khả năng phân tích được một số huyết đồ bệnh lý điển hình. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm và thực hành theo bảng kiểm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm: MCQ, thảo luận nhóm và tự luận, thực hiện các thao tác kỹ thuật theo bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, 6, 7, 12, 14, 16 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

3.4. Huyết học 1

Học phần huyết học 1 thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy - học ở kỳ học 6 của chương trình đào tạo. Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình đông cầm máu, các xét nghiệm đánh giá quá trình đông cầm máu cơ bản (vòng đầu) và giải thích được một số biểu hiện bình thường, và một số rối loạn về quá trình đông cầm máu, cơ sở của các xét nghiệm đánh giá đông máu trên lâm sàng. Đồng thời người học có thể thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm đông cầm máu cơ bản. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, giao bài tập tình huống, chia nhóm

thảo luận, thực hành theo hướng dẫn. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, 6, 7, 12, 14, 16 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

3.5. *Huyết học 2*

Học phần huyết học 2 thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy - học ở kỳ học 6 của chương trình đào tạo. Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về công tác truyền máu, đảm bảo an toàn truyền máu trên lâm sàng, đồng thời sinh viên có khả năng thực hiện được công tác vận động hiến máu, một số kỹ thuật định nhóm máu, sản xuất, lưu trữ máu và truyền máu trên lâm sàng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, giao bài tập tình huống, chia nhóm thảo luận, thực hành theo hướng dẫn. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, báo cáo cá nhân/nhóm, đánh giá bằng bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, 6, 7, 12, 14, 16 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

3.6. *Huyết học 3*

Học phần Huyết học 3 thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy - học ở kỳ học 7 của chương trình đào tạo. Học phần này cung cấp một số kiến thức về huyết học - truyền máu định hướng lâm sàng (bệnh lý tế bào nguồn, chỉ định truyền máu trên lâm sàng và bệnh lý điển hình dòng tiểu cầu). Đồng thời người học cũng được kiến tập một số kỹ thuật xét nghiệm chẩn đoán, theo dõi điều trị và dự phòng các bệnh lý dòng tế bào máu ở tủy xương và ở máu ngoại vi. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, giao bài tập tình huống, chia nhóm thảo luận, thực hành theo hướng dẫn. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, báo cáo cá nhân/nhóm, đánh giá bằng bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, 6, 7, 12, 14, 16 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

3.7. *Hóa sinh 1*

Học phần Hóa sinh 1 thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 4 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học được kiến thức về vai trò, tính chất của glucid, lipid, protein từ đó áp dụng vào nguyên lý định lượng, định tính các chất trong máu và nước tiểu. Bên cạnh đó người học cũng học được tính cẩn thận, trách nhiệm, chính xác trong quá trình thực hành. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, tự học. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 14, 15, 16, 17 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

3.8. *Hóa sinh 2*

Học phần Hóa sinh 2 thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 5 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức về quá trình chuyển hóa của các hợp chất glucid, lipid và protein trong cơ thể. Đồng thời, học phần này còn giúp người học thực hiện và biện luận được một số kết quả xét nghiệm cơ bản trong chẩn đoán và theo dõi điều trị các bệnh lý sinh ra do rối loạn chuyển hóa các chất trên. Phương pháp dạy học là thuyết trình, thảo luận, làm mẫu và bảng kiểm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, báo cáo, bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 14, 15, 16, 17 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

3.9. Hoá sinh 3

Học phần Hóa sinh 3 thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 6 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức chung về nguồn gốc, quá trình chuyển hóa của các chất ở mô và các cơ quan để giải thích được sự thay đổi các chất trong một số bệnh lý điển hình. Từ đó thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm hóa sinh trong một số bệnh lý như đái tháo đường, bệnh cơ, bệnh gan mật, tụy, bệnh thận. Nhận định được một số yếu tố ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm cũng như các sai số và đưa ra hành động khắc phục nhằm nâng cao chất lượng xét nghiệm. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, case study, tự học. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 11, 14, 15, 16, 17 (mức độ trung bình), PLO7, 12 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

3.10. Vi sinh 1

Học phần Vi sinh 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 4 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ giới thiệu, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vi khuẩn và virus; vai trò của những vi sinh vật này trong quá trình nhiễm trùng; Các cơ chế bảo vệ và chống nhiễm trùng của cơ thể; Cơ chế kháng kháng sinh của vi khuẩn; Tiết trùng và khử trùng trong y học; Nguyên lý và nguyên tắc sử dụng vacxin, huyết thanh miễn dịch trong phòng và điều trị bệnh nhiễm trùng-truyền nhiễm. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng thực hiện một số kỹ thuật xét nghiệm vi sinh cơ bản như: pha chế môi trường nuôi cấy vi khuẩn; thực hiện một số kỹ thuật nhuộm vi khuẩn, kỹ thuật nuôi cấy vi khuẩn, kỹ thuật khử trùng -tiệt trùng, test nhanh phát hiện kháng nguyên - kháng thể. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, bảng kiểm, bài tập tình huống. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm trắc nghiệm, tự luận, bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 13, 14, 15, 16, 17 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

3.11. Vi sinh 2

Học phần Vi sinh 2 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 5 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ giới thiệu, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh, cơ sở chẩn đoán xác định một số vi khuẩn gây bệnh thường gặp; Trang bị cho người học những kỹ năng trong thao tác chuẩn quy trình kỹ thuật xét nghiệm nuôi cấy, phân lập, định danh, phân tích yếu tố ảnh hưởng tới kết quả xét nghiệm định danh một số vi khuẩn gây bệnh thường gặp trên lâm sàng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, bảng kiểm, bài tập tình huống. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm trắc nghiệm, tự luận, bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 13, 14, 15, 16, 17 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

3.12. Vi sinh 3

Học phần Vi sinh 3 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 6 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ giới thiệu, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh, cơ sở chẩn đoán xác định một số virus gây bệnh thường gặp; Trang bị cho người học những kỹ năng trong thao tác chuẩn quy trình kỹ thuật xét nghiệm nuôi cấy,

phân lập, định danh, phân tích yếu tố ảnh hưởng tới kết quả xét nghiệm định danh vi khuẩn theo bệnh phẩm của từng hệ cơ quan trong cơ thể. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, bảng kiểm, bài tập tình huống. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm trắc nghiệm, tự luận, bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 11, 14, 15, 16, 17 (mức độ trung bình), PLO7, 12 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

3.13. Ký sinh trùng 1

Học phần ký sinh trùng 1 thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy - học ở kỳ học thứ 4 của chương trình đào tạo. Học phần ký sinh trùng cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: Đặc điểm sinh học, chu kỳ, đặc điểm dịch tễ, khả năng gây bệnh của các loại giun sán ký sinh và vi nấm gây bệnh ở người, thực phẩm; phương pháp chẩn đoán, nguyên tắc điều trị và các biện pháp phòng bệnh giun sán ký sinh, vi nấm gây bệnh. Học phần còn giúp người học nhận biết được các loại giun sán ký sinh thường gặp ở Việt Nam, thực hành được các kỹ thuật xét nghiệm cơ bản để tìm mầm bệnh các loại giun, sán, vi nấm trong các loại bệnh phẩm. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, kiến tập, thực tập. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm trắc nghiệm, bảng kiểm, chạy trạm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 13, 14, 15, 16, 17 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

3.14. Ký sinh trùng 2

Học phần Ký sinh trùng 2 thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học thứ 5 của chương trình đào tạo. Học phần Ký sinh trùng 2 này sẽ trang bị cho người học các kiến thức về đặc điểm sinh học, chu kỳ của các loại đơn bào, ký sinh trùng sốt rét và tiết túc; ảnh hưởng của các yếu tố môi trường, đặc điểm dịch tễ, khả năng gây bệnh, phương pháp chẩn đoán, nguyên tắc điều trị và các biện pháp phòng bệnh do đơn bào, ký sinh trùng sốt rét và tiết túc. Học phần còn giúp người học nhận biết được các loại đơn bào, ký sinh trùng sốt rét và tiết túc thường gặp ở Việt Nam, thực hiện được các kỹ thuật xét nghiệm cơ bản để tìm đơn bào, ký sinh trùng sốt rét, tiết túc trong các loại bệnh phẩm. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, kiến tập, thực tập. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, bảng kiểm, chạy trạm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 11, 14, 15, 16, 17 (mức độ trung bình), PLO7, 12 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

3.15. Giải phẫu bệnh 1

Học phần Giải phẫu bệnh 1 thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc được dạy - học ở kỳ học thứ 5 của chương trình đào tạo. Phần lý thuyết sẽ trang bị cho người học những biến đổi của tế bào và mô trong quá trình bệnh lý, phân biệt u và viêm bằng phương pháp nghiên cứu đại thể và vi thể. Phần thực hành giúp người học thực hiện được quy trình xét nghiệm tế bào học thường quy. Qua đó người học sẽ hiểu được giá trị, ý nghĩa của xét nghiệm tế bào học đối với các chuyên khoa. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, kiến tập, thực tập. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, bảng kiểm, chạy trạm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 13, 14, 15, 16, 17 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

3.16. Giải phẫu bệnh 2

Học phần Giải phẫu bệnh 2 thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc được dạy - học ở kỳ học thứ 6 của chương trình đào tạo. Học phần lý thuyết trang bị cho người học những kiến thức cơ bản nhất hình ảnh đại thể và vi thể các tổn thương của các mô cơ quan. Học phần thực hành trang bị cho người học về kỹ thuật xét nghiệm mô bệnh học thường quy. Giúp sinh viên thực hiện được quy trình xét nghiệm mô bệnh học cũng như hiểu được giá trị, ý nghĩa của mô bệnh học đối với các chuyên khoa. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, kiến tập, thực tập. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, bảng kiểm, chạy trạm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 11, 14, 15, 16, 17 (mức độ trung bình), PLO7, 12 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

3.17. Y sinh học phân tử 1

Y sinh học phân tử 1 là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy/học ở học kỳ 4 của chương trình đào tạo. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về sinh học phân tử, các kỹ thuật sinh học phân tử ứng dụng trong nghiên cứu y sinh. Trang bị cho người học những kỹ năng cơ bản về quản lý và vận hành thiết bị xét nghiệm sinh học phân tử, tách chiết DNA và RNA, kỹ thuật PCR và Realtime PCR ứng dụng trong chẩn đoán một số bệnh nhiễm trùng truyền nhiễm. Các phương pháp dạy/học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, bảng kiểm, bài tập tình huống. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm trắc nghiệm, tự luận, bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 13, 14, 15, 16, 17 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

3.18. Quản lý chất lượng xét nghiệm

Học phần Quản lý chất lượng xét nghiệm thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 7 của chương trình đào tạo. Học phần này đóng vai trò rất quan trọng trong lĩnh vực xét nghiệm, cung cấp cho người học các khía cạnh về quản lý tài liệu hồ sơ, các quy trình thực hành chuẩn, vai trò của đảm bảo chất lượng trong xét nghiệm bao gồm quá trình nội kiểm tra, ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy học theo bảng kiểm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, làm bài tập nhóm, bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, 3, 4, 8, 9, 11, 13, 14, 15, 16, 17 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

3.19. Thực tập KTXN 1: Vi sinh - Ký sinh trùng

Học phần Thực tập xét nghiệm 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành ngành, được dạy - học ở kỳ học 7 của chương trình đào tạo. Học phần này gồm 20 bài thực hành, trang bị và củng cố cho người học các kỹ năng sử dụng các trang thiết bị, pha chế các hóa chất, môi trường xét nghiệm, tham gia thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm vi sinh và ký sinh trùng cơ bản tại các bệnh viện thực hành, đánh giá và trả lời kết quả xét nghiệm; kỹ năng làm việc độc lập hay làm việc nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề chuyên môn, có kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp, người bệnh và cộng đồng, hình thành kỹ năng tự học và học suốt đời. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là bảng kiểm, thảo luận nhóm, bài tập tình huống. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm bảng kiểm, báo cáo cá nhân, OSPE. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, 6, 7, 8, 12 (mức độ cao); PLO3, 4, 5, 9, 10, 11, 13, 14, 15, 16, 17 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

3.20. Thực tập KTXN 2: Hoá sinh

Học phần Thực tập kỹ thuật xét nghiệm 2 được dạy - học ở kỳ học 8 của chương trình đào tạo. Học phần này mô tả các một số công việc cơ bản tại phòng xét nghiệm hóa sinh như sử dụng và bảo quản hóa chất, sinh phẩm, quy trình lưu mẫu, tiêu hủy mẫu xét nghiệm, quy trình cài đặt xét nghiệm trên một số loại máy xét nghiệm hóa sinh, các xét nghiệm hóa sinh máu, nước tiểu thường quy và một số kỹ thuật định lượng hormon, dấu ấn ung thư... Hơn nữa, học phần giúp người học nhận biết một số yếu tố ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm từ đó có hành động khắc phục phù hợp để đảm bảo có kết quả xét nghiệm tin cậy phục vụ chẩn đoán, theo dõi quá trình điều trị bệnh. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, dạy học theo bảng kiểm, thảo luận nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm thảo luận nhóm, làm bài tập nhóm, báo cáo thảo luận, bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, 6, 7, 8, 12 (mức độ cao); PLO3, 4, 5, 9, 10, 11, 13, 14, 15, 16, 17 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

3.21. Thực tập KTXN 3: Huyết học

Học phần thực tập kỹ thuật xét nghiệm 3 thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy - học ở kỳ học 8 của chương trình đào tạo. Học phần giúp cho người học được tiếp cận trực tiếp, hiểu và thực hiện được một số kỹ thuật chẩn đoán về huyết học - truyền máu khi thực hành tại bệnh viện. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là giao bài tập tình huống, chia nhóm thảo luận, thực hành theo hướng dẫn. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm báo cáo cá nhân/nhóm, đánh giá bằng bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 6,7, 8,9,10, 11, 12,14,16 mức độ cao của chương trình đào tạo.

3.22. Thực tập KTXN 4: Giải phẫu bệnh

Học phần Thực tập kỹ thuật xét nghiệm 4 thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc được dạy - học ở kỳ học thứ 8 của chương trình đào tạo. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng để có thể thực hiện thành thạo kỹ thuật xét nghiệm tế bào học và mô bệnh học đối với các bệnh phẩm khác nhau, biết cách nhận định kết quả, phát hiện những sai sót thường gặp và cách xử trí. Đây là một kỹ thuật quan trọng đối với chuyên ngành giải phẫu bệnh và ung thư. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là kiến tập và thực tập tại các cơ sở thực hành. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, bảng kiểm, chạy trạm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, 6, 7, 8, 12 (mức độ cao); PLO3, 4, 5, 9, 10, 11, 13, 14, 15, 16, 17 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

3.23. Huyết học lâm sàng

Học phần Huyết học lâm sàng là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy - học ở kỳ học 7 của chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học về một số bệnh lý huyết học trên lâm sàng có tính chất định hướng. Đồng thời người học được thực hành tại các phòng bệnh điều trị các bệnh lý chuyên biệt về huyết học. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, giao bài tập tình huống, chia nhóm thảo luận, thực hành theo hướng dẫn. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, báo cáo cá nhân/nhóm, đánh giá bằng bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 13, 14, 15, 16, 17 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

3.24. Một số xét nghiệm vi sinh trong VSATTP

Học phần Một số xét nghiệm vi sinh trong VSATTP là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy - học ở kỳ học 7 của chương trình đào tạo. Phần lý thuyết giới thiệu một số khái niệm về an toàn vệ sinh thực phẩm, các tác nhân gây bệnh chủ yếu trong thực phẩm, tác động kháng vi sinh vật của các yếu tố lý học, hóa học và sinh học, pha chế môi trường và các kỹ thuật vô trùng, phương pháp lấy mẫu, bảo quản và lưu giữ mẫu nước, thực phẩm, các chỉ tiêu vi sinh vật kiểm soát trong nước, thực phẩm, các kỹ thuật sử dụng trong kiểm tra vi sinh thực phẩm, quy định về giới hạn ô nhiễm vi sinh vật nước, thực phẩm và các quy trình phân tích các chỉ tiêu vi sinh vật trong nước, thực phẩm. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cơ bản trong xét nghiệm kiểm nghiệm vi sinh vật trong nước và thực phẩm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 13, 14, 15, 16, 17 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

3.25. Xét nghiệm tế bào cổ tử cung

Học phần Xét nghiệm tế bào cổ tử cung là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy - học ở kỳ học thứ 7 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản nhất về hình thái tế bào cổ tử cung bình thường và những tổn thương, biến đổi bệnh lý tại cổ tử cung âm đạo, giúp sinh viên có thể đọc và phân tích kết quả trên phiến đồ cổ tử cung, âm đạo. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, thực tập. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, chạy trạm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 13, 14, 15, 16, 17 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

3.26. Xét nghiệm miễn dịch trong chẩn đoán Vi-ký sinh trùng

Học phần Xét nghiệm miễn dịch trong chẩn đoán Vi-ký sinh trùng là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy - học ở kỳ học thứ 7 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức về xét nghiệm miễn dịch trong chẩn đoán các bệnh nhiễm Vi- Ký sinh trùng, các kỹ năng cơ bản trong thực hiện một số kỹ thuật miễn dịch, đồng thời giúp người học có khả năng làm việc độc lập, nâng cao tính tự học và chịu trách nhiệm trước những quyết định trong thực hành nghề nghiệp của mình. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, thực hành theo bảng kiểm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, trắc nghiệm, thực hiện các thao tác kỹ thuật theo bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 13, 14, 15, 16, 17 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

3.27. Y sinh học phân tử 2

Y sinh học phân tử 2 là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy - học ở kỳ học thứ 7 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức về nguyên lý, ứng dụng và thực hiện các kỹ thuật sinh học phân tử trong chẩn đoán và theo dõi điều trị một số bệnh lý di truyền và truyền nhiễm trên lâm sàng. Phương pháp dạy học là thuyết trình, thảo luận, làm mẫu và bảng kiểm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận, bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 13, 14, 15, 16, 17 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

3.28. Thực tập tốt nghiệp

Học phần Thực tập tốt nghiệp, được dạy - học ở kỳ học 8 của chương trình đào tạo. Thực tập tốt nghiệp là học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng tổng thể về các lĩnh vực chung của xét nghiệm y học bao gồm các kiến thức về hóa sinh, huyết học, vi ký sinh trùng, giải phẫu bệnh được ứng dụng trong thực hiện, phân tích và giải thích kết quả xét nghiệm cũng như nhận biết được các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm; xử lý được một số lỗi kỹ thuật đơn giản. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là dạy học theo bảng kiểm, thảo luận nhóm. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm thảo luận nhóm, làm bài tập nhóm, báo cáo thảo luận, bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra PLO2, 6, 7, 8, 12 (mức độ cao); PLO3, 4, 5, 9, 10, 11, 13, 14, 15, 16, 17 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

XIII. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

Khoa Y học cơ sở được thành lập vào ngày 21 tháng 4 năm 2010. Về cơ cấu tổ chức, Khoa Y học cơ sở gồm 8 bộ môn: Sinh hóa, Sinh lý học, Giải phẫu học, Vi sinh, Ký sinh trùng, Sinh lý bệnh- Miễn dịch, Mô phôi, Giải phẫu bệnh - Ung thư học, đó là các bộ môn chính tham gia đào tạo ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học.

Khoa Y học cơ sở là khoa chuyên môn có chức năng quản lý hành chính, quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và quản lý cơ sở vật chất trong khoa. Khoa có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức quản lý toàn diện sinh viên trong khoa. Xây dựng chương trình, kế hoạch giảng dạy, học tập và chủ trì tổ chức quá trình đào tạo và các hoạt động giáo dục khác trong chương trình, kế hoạch giảng dạy chung của Nhà trường. Khoa có đội ngũ cán bộ giảng dạy nhiệt tình, có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm, đội ngũ cán bộ của khoa ngày càng trưởng thành. Hiện tại khoa có 59 cán bộ viên chức, trong đó có 32 giảng viên cơ hữu, bao gồm 02 phó giáo sư, 12 tiến sĩ, 02 chuyên khoa II, 15 thạc sĩ, 03 giảng viên đại học và 16 kỹ thuật viên (07 thạc sĩ, 09 đại học). Hơn nữa, Khoa y học cơ sở có đội ngũ giảng viên thỉnh giảng rất hùng hậu, là các tiến sĩ- trưởng các khoa Sinh hóa bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, bệnh viện Phụ sản Hải Phòng, trưởng các khoa Vi sinh, Huyết học, giải phẫu bệnh bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, bệnh viện C Thái Nguyên.

Các Bộ môn thuộc khoa Y học cơ sở trong 6 năm qua được dự án ADB tài trợ với những trang thiết bị hiện đại như: máy xét nghiệm sinh hóa tự động, máy xét nghiệm miễn dịch tự động, máy xét nghiệm nước tiểu bán tự động, các máy xét nghiệm vi sinh như: máy Realtime PCR, hệ thống máy tách RNA, DNA tự động, hệ thống máy định danh vi khuẩn và làm kháng sinh đồ tự động, tủ an toàn sinh học cấp 2, hệ thống tủ ấm thường, tủ ấm CO₂ ... Đặc biệt, Trung tâm huyết học truyền máu tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên là cơ sở thực tập chính của Nhà trường được trang bị đầy đủ các thiết bị máy móc hiện đại phục vụ các môn học chuyên ngành (Huyết học tế bào, huyết học truyền máu, huyết học đông máu). Sự phát triển của khoa học công nghệ trong y học cùng với các trang thiết bị trong lĩnh vực xét nghiệm ngày càng hiện đại hơn, điều này đòi hỏi phải có một đội ngũ xét nghiệm viên y học được đào tạo bài bản, chuyên sâu để đáp ứng với nhu cầu xã hội hoá y tế của nhà nước.

Với nguồn nhân lực chất lượng cao cùng với các trang thiết bị hiện đại, khoa Y học cơ sở đã tham gia đào tạo đại học các ngành: Y khoa, Y học dự phòng, Răng - Hàm - Mặt, Dược học, Điều dưỡng; tham gia đào tạo 6 khóa cao đẳng Xét nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm từ năm 2008 đến 2014, đã đào tạo 11 khóa kỹ thuật viên xét

nghiệm từ năm 2000 đến năm 2013. Đặc biệt, Khoa đã hoàn thành việc đào tạo 01 khóa Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học. Khoa đã mở thêm 01 mã đào tạo CK1 xét nghiệm Y học chuẩn bị tuyển sinh. Đồng thời, Khoa đã đào tạo sau đại học các mã ngành của Nhà trường, tham gia hướng dẫn nhiều học viên sau đại học gồm Chuyên khoa II; Thạc sĩ; Bác sĩ Nội trú bệnh viện. Với bề dày thành tích nghiên cứu khoa học, cán bộ trong khoa đã chủ trì nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Tỉnh, Đại học và cấp Trường. Khoa đã triển khai được nhiều kỹ thuật chuyên sâu như ứng dụng kỹ thuật sinh học phân tử vào chẩn đoán Virus SARS - CoV2, chẩn đoán Lao, viêm gan B, C, các bệnh lý di truyền trước sinh, triển khai nhiều kỹ thuật xác định các biomarker để hỗ trợ chẩn đoán bệnh lý tim mạch, hội chứng chuyển hóa, bệnh thận, ung thư...

Bên cạnh đó, ngành học còn có sự tham gia của các giảng viên khoa Khoa học cơ bản, Khoa Y tế công cộng, bộ môn Nội trong giảng dạy các học phần cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành.

Trong những năm qua, tập thể các thể hệ cán bộ giảng viên của khoa Y học cơ sở đã góp phần rất lớn trong đào tạo nhân lực cho ngành y tế các tỉnh trong cả nước, đặc biệt là các tỉnh miền núi phía Bắc.

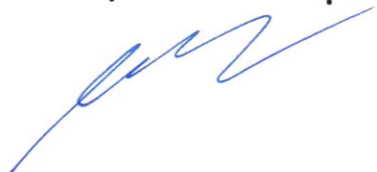
XIV. Ngày phê duyệt lần đầu: 31/3/2017

XV. Tiến trình cập nhật

T T	Tóm tắt nội dung cập nhật	Ngày cập nhật	Tổ trưởng tổ rà soát (Ký, ghi rõ họ tên)	Trưởng khoa/ Bộ môn (Ký, ghi rõ họ tên)
1	Cập nhật chuẩn đầu ra chương trình	01/10/2021	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Nguyễn Thị Ngọc Hà
2	Bổ sung và điều chỉnh thêm 1 số học phần và số tín chỉ của chương trình đào tạo theo hướng tăng thời lượng thực hành			
3	Bổ sung phần khoá luận tốt nghiệp			

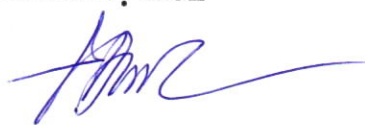
XVI. Thành phần phê duyệt

Chủ tịch HĐ thẩm định



TS. Nguyễn Kiều Giang

Chủ tịch Hội đồng
Khoa/Bộ môn



PGS.TS. Trịnh Xuân Đàn

Tổ trưởng xây dựng/
rà soát



TS. Nguyễn Thị Ngọc Hà